TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỒNG VĂN** TỈNH HÀ GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:01/2019/HNGĐ-ST Ngày 9 tháng 5 năm 2019 V/v: " *xin ly hôn, nuôi con chung*"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG VĂN, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giàng Mí Chớ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Văn
2. Bà Sùng Thị Sén

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Châu Giang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Văn tham gia phiên toà: Ông Hoàng Quốc Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 9 tháng 5 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08 /2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 4 năm 2019 và quyết định hoãn phiên Tòa số 01/2019 ngày 23 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Mua Thị N**, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh H; Có mặt

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn T**, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh H; Vắng mặt không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn vào ngày 12 tháng 2 năm 2019, tại bản tự khai và các lời khai tại Tòa án , chị Mua Thị Nhủa trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nhủa và anh Thành đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 18 tháng 5 năm 2008 tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh H trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đánh, cãi nhau. Anh T không quan tâm đến gia đình dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hòa hợp hạnh phúc. Đến nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Đề nghị Toà án giải

quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung : Trong thời gian sinh sống với nhau, chị và anh T có hai con chung là cháu Lò Ngọc H, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2010 và cháu Lò A P, sinh ngày 15 tháng 2 năm 2012. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc ,giáo dục cả hai cháu cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và các khoản nợ : Không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Tại bản tự khai ngày 08 tháng 3 năm 2019, biên bản hòa giải anh Lò Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn và chung sống với nhau được một thời gian thì giữa hai vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn do chị N hay đi tiếp khách, có người khác ở bên ngoài, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Anh T không đồng ý ly hôn vì muốn hai bên tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án can thiệp.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung : Trong thời gian sinh sống với nhau, anh và chị N có hai con chung. Sau khi ly hôn, anh T nhận nuôi, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng.

- Về tài sản, công nợ : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Văn tham gia phiên toà, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật tại phiên toà là đúng theo các quy định của pháp luật, đảm bảo đúng trình tự luật định; không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử; Viện kiểm sát nghiên cứu hồ sơ đảm bảo đúng pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 51; 53; 54; 56; 58; Điều 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Mua Thị N.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Mua Thị N và anh Lò Văn T.

2. Về nuôi con: Chấp nhận nguyện vọng của chị Mua Thị N là chị N sẽ nuôi dưỡng , chăm sóc, giáo dục hai cháu: Lò A P , sinh ngày 15 tháng 2 năm 2012 và cháu Lò Ngọc H, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2010 . Anh Lò Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về pháp luật tố tụng: Chị Mua Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lò Văn T. Đồng thời, anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh H. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo và triệu tập hợp lệ đối với bị đơn Lò Văn T nhưng anh T chỉ đến hòa giải 01 lần vào ngày 11 tháng 3 năm 2019. Những lần hòa giải và triệu tập sau đó, anh T đều vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật được . Do hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về quan hệ hôn nhân và con chung nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Lò Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lò Văn T.

[2] Về pháp luật nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Mua Thị N và anh Lò Văn T là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh H. Chị N cho rằng, giữa chị và anh T phát sinh mâu thuẫn là do anh T hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên cãi vã nên dẫn đến vợ chồng xô xát với nhau, anh T còn xúc phạm danh dự chị N. Sự việc xảy ra kéo dài đã gây ảnh hưởng lớn đến tình cảm của vợ chồng và tâm sinh lý của con.

* Tại biên bản xác minh về nguyên nhân, quá trình mâu thuẫn và điều kiện sống của chị N và anh T tại nơi làm việc ngày 05 tháng 4 năm 2019, ông Lầu Mí Thàng - Phó chủ tịch UBND xã P cung cấp: Qua tìm hiểu, anh T và chị N có xảy ra mâu thuẫn vài năm gần đây. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Thành ghen tuông không có căn cứ rồi đi uống rượu say về là chửi, đánh vợ con, có vài lần còn đốt quần áo của chị N và các cháu.

Ông Thàng còn cung cấp thêm về mức thu nhập của anh T và chị N ngoài tiền lương ra không có nguồn thu nhập nào khác; Mức lương của chị N hiện tại là 8.898.000đ (*Tám triệu tám trăm chín mươi tám nghìn đồng*), mức lương của anh T hiện tại là 5.702.000đ (*Năm triệu bảy trăm ninh hai nghìn đồng*).

* Tại biên bản xác minh ngày 05 tháng 4 năm 2019, bà Ly Thị Mỷ là mẹ đẻ của chị Mua Thị N - hiện đang ở cùng nhà với chị N và anh T cung cấp: Nguyên nhân mâu thuẫn của chị N và anh T là do anh T ghen tuông, cứ nghĩ chị N có người khác ở ngoài nên anh T cứ về đến nhà là chửi đánh vợ con. Thậm chí có lần dùng dao dọa giết chị N, có lần dùng thanh sắt đánh chị N và dùng tay bịt mũi đứa con để nó không thở được. Tiền lương của anh T không bao giờ dùng vào mục đích chung của gia đình. Ngay cả tiền mua sữa cho con cũng không có.

Qua lời trình bày của chị N và anh T về mâu thuẫn vợ chồng và kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án xác định giữa chị N và anh T có phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát nhau. Ngoài ra, kết quả xác minh người thân của chị Nhủa cũng xác định giữa vợ chồng N - T có xảy ra mâu thuẫn do anh T ghen tuông chị N, vợ chồng cải vã với nhau dẫn đến xô xát. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, vợ chồng không còn tôn trọng quan tâm lẫn nhau, tình cảm đối với nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, việc chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình

[3] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 người con chung là cháu Lò Ngọc H, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2010 và cháu Lò A P, sinh ngày 15 tháng 2 năm 2012 . Nguyên đơn xin được nuôi con.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu H và P có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Xét, việc chị Nhủa có yêu cầu nuôi dạy con chung và qua xác minh điều kiện sống, thu nhập và cách chăm sóc, nuôi dạy con cái của hai vợ chồng , theo nguyện vọng của 02 cháu được sống cùng với mẹ. Do đó, để đảm bảo điều kiện sống của 02 cháu P, H, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao 02 cháu Lò Ngọc H và Lò A P cho chị N nuôi dạy theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét

[5]. Về quan hệ tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mua Thị N

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Mua Thị N và anh Lò Văn T. Hôn nhân của chị Mua Thị N và anh Lò Văn T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao cháu Lò Ngọc H, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2010 và cháu Lò A P, sinh ngày 15 tháng 2 năm 2012 cho chị Mua Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Lò Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Lò Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được quyền cản trở.

- Về án phí: Chị Mua Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Mua Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 03064 ngày 06/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.

"*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các 8 Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 . Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ".*

Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 9/5/2019). Báo cho đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sùng Thị Sén **Nguyễn Công Văn** **Giàng Mí Chớ**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Đồng văn;
- THA dân sự huyện Đồng Văn ;
- UBND xã Hố Quáng Phìn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giàng Mí Chớ

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sùng Thị Sén

Nguyễn Công Văn

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giàng Mí Chớ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Đồng văn;
- THA dân sự huyện Đồng Văn ;
- UBND xã Hố Quáng Phìn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giàng Mí Chớ